

Bản án số: 09/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09/6/2026

V/v hủy kết hôn trái pháp luật

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Khắc

2. Bà Tao Thị Kèo

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Nguyệt Ánh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 107/2026/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026 về việc “*Hủy kết hôn trái pháp luật*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/5/2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Cứ Thị D - sinh năm 1997

Địa chỉ: Tổ dân phố S, phường Đ, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Hàng A P - sinh năm 1998

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố S, phường Đ, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Lai Châu.

Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Đại T – chức vụ: Chủ tịch UBND phường. Người đại diện theo ủy quyền ông Vũ Mạnh T1 – Chức vụ; Chánh văn phòng HĐND và UBND phường Đ, tỉnh Lai Châu theo văn bản ủy quyền số 424/QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của Chủ tịch UBND phường Đ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Cứ Thị D là nguyên đơn trình bày:

Chị D và anh H A P về chung sống và đăng ký kết hôn ngày 27/6/2017 trên cơ sở tự nguyện, tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu nay là Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2025 giữa chị D và anh P phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi nhau, nguyên nhân là do hai bên thường xuyên bất đồng quan điểm, anh P không quan tâm đến gia đình vợ con, còn hay đánh chị D, nên

chị D không còn tình cảm với anh P. Thực tế chị D và anh P đã ly thân từ đầu năm 2025. Chị D nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn với anh P.

Về con chung: Quá trình chung sống chị D và anh P có 02 con chung là cháu Hàng Minh P1, sinh ngày 22/3/2016 và cháu Hàng Phương L, sinh ngày 27/4/2018. Trong đơn khởi kiện ly hôn chị D trình bày giao các con chung cho anh H A P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hàng tháng chị D cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tuy nhiên, sau khi nộp đơn khởi kiện thì chị D có về nói chuyện với các con thì cháu P1 có nguyện vọng được sống với chị D. Là mẹ nên chị D cũng muốn nuôi con. Vì vậy, chị D đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được nuôi cháu P1 và giao cháu L cho anh P chăm sóc nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi cháu P1 và đề nghị Tòa án xem xét cho chị không phải cấp dưỡng nuôi cháu L.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh H A Páo vắng mặt tại phiên tòa tại bản tự khai và lời khai ngày 02/3/2026 trình bày:*

Anh P và chị D qua tìm hiểu và về chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 27/6/2017 tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu (nay là phường Đ, tỉnh Lai Châu). Quá trình thực hiện thủ tục kết hôn tại UBND xã S, huyện T (nay là phường Đ, tỉnh Lai Châu) anh P chỉ mang theo sổ hộ khẩu của gia đình chủ hộ là bố anh P có ghi anh P sinh ngày 12/5/1997 (tuy nhiên giấy tờ này hiện không còn). Quá trình anh P đi học thì học bạ và bằng tốt nghiệp của anh P có ghi ngày tháng năm sinh là 13/4/1998. Sau này giấy khai sinh của anh P cũng ghi ngày 13/4/1998 trùng với ngày tháng năm sinh trong căn cước công dân của anh P. Tại thời điểm đi đăng kết hôn, anh P không nhận thức được việc đăng ký kết hôn bắt buộc phải đủ 20 tuổi đối với nam. Về ngày tháng năm sinh của anh P đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo các giấy tờ về nhân thân có giá trị pháp lý hiện tại của anh P.

Anh P và chị D chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian đầu, nhưng sau đó đến tháng 4/2025 thì chị Cự Thị D tự ý bỏ đi làm xa, từ đó hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, xung đột, cãi vã nguyên nhân là do chị D đi làm xa không quan tâm đến gia đình, chồng con, từ đó đến nay cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị D một mực đòi ly hôn với anh P. Anh P cũng nhận thấy nếu tiếp tục chung sống với chị D cũng khó vui vẻ hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh P, anh P đồng ý.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống anh P và chị D có 02 con chung là cháu Hàng Minh P1, sinh ngày 22/3/2016 và cháu Hàng Phương L, sinh ngày 27/4/2018. Sau khi ly hôn anh P có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P1 và cháu L cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh P yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000

đồng/tháng/cháu cho đến khi các con thành niên đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND phường Đ, tỉnh Lai Châu tại Biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt:*

UBND phường Đ trình bày: Qua rà soát kho hồ sơ lưu trữ tài liệu hộ tịch của phường hiện không tìm thấy hồ sơ đầu vào của sự kiện hộ tịch về đăng ký kết hôn giữa chị Cù Thị D và anh Hàng A P (sinh ngày 12/5/1997). Trong sổ đăng ký kết hôn số 09, năm 2017 của UBND xã S, huyện T có thông tin về việc chị D và anh P đăng ký kết hôn. Tại thời điểm chị D anh P đến đăng ký kết hôn ngày 27/6/2017 do UBND xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu thực hiện, sau sáp nhập chính quyền địa phương hai cấp UBND phường Đ không nắm được việc anh P có kê khai tăng tuổi để đăng ký kết hôn hay không. Tuy nhiên trên cơ sở tài liệu về giấy tờ nhân thân hiện tại của anh P Do anh P đi đăng ký kết hôn khi chưa đủ tuổi vi phạm khoản 1 Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 Lai Châu hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Cù Thị D và anh Hàng A P.

* Nguyên vọng của con chung: Tại Biên bản ghi nhận ý kiến của con chung cháu Hàng Minh P1 có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là chị Cù Thị D và cháu Hàng Phương L có nguyện vọng được sống cùng bố là anh Hàng A P.

** Kết quả xác minh tại trường Trung học cơ sở S, phường Đ, tỉnh Lai Châu:* Hàng A P có theo học và tốt nghiệp THCS tại trường THCS S, xã S huyện T, tỉnh Lai Châu khóa học 2009 – 2013, anh H A P có ngày tháng năm sinh trong sổ đăng bộ lưu trữ tại trường là 13/4/1998 đồng thời tại sổ cấp bằng, chứng chỉ của nhà trường ngày tháng năm sinh của anh P là 13/4/1998 theo sổ bằng A0317234 cấp năm 2013.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Người tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự tại phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 09/6/2026, các đương sự vắng mặt đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a, khoản 1, điểm g khoản 2 Điều 39, các Điều 147, 149, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8; Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC-BTP, ngày 3

06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của HĐTP Toà án nhân dân tối cao ngày 16/5/2024 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Cự Thị D và anh H A Páo theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 27/6/2017 đăng ký tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu (nay là UBND phường Đ, tỉnh Lai Châu).

- Về việc nuôi con chung: anh P và chị D cùng có nghĩa vụ quan tâm, chăm lo cho các con chung. Giao cháu Hàng Minh P1 cho mẹ là chị Cự Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Giao cháu Hàng Phương L cho bố là anh Hàng A P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Do anh P và chị D mỗi người trực tiếp nuôi một con chung nên anh P không phải cấp dưỡng nuôi cháu P1 và chị D không phải cấp dưỡng nuôi cháu L.

- Về án phí: Chị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và giải thích về quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Cự Thị D làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hàng A P, anh P có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Tổ dân phố S, phường Đ, tỉnh Lai Châu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lai Châu.

Tại phiên tòa các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Cự Thị D và anh Hàng A P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 27/6/2017 trên cơ sở tự nguyện, tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, nay là Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Lai Châu, (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09 ngày 27/6/2017 có ghi anh Hàng A P sinh ngày 12/5/1997). Đối chiếu với Giấy khai sinh, căn cước công dân, bản xác nhận thông tin về cư trú, thông tin tại sổ đăng bộ, sổ cấp bằng, chứng chỉ trường trung học cơ sở Sùng Phái của anh H A Páo xác định được anh Hàng A P, sinh ngày 13/4/1998. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn anh P mới 19 tuổi 02 tháng 14 ngày nên chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều luật quy định điều kiện đăng ký kết hôn: “*Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18*

tuổi trở lên”. Chị Cù Thị D và anh Hàng A P đã vi phạm điều kiện đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chị D và anh Páo A Páo thời gian đầu sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng đến tháng 4/2025 giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, xung đột, cãi vã thậm chí xô xát đánh nhau, hành vi như vậy vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng. Chị D, anh P đều nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 8, 10, 11, 12 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị Cù Thị D và đề nghị của UBND phường Đ về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Cù Thị D và anh Hàng A P.

[3]. Về hậu quả pháp lý của hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Do việc kết hôn giữa chị Cù Thị D và anh H A P vi phạm Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và là kết hôn trái pháp luật nên kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật, anh Hàng A P và chị C Thị D phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: anh P và chị D có 02 con chung là cháu Hàng Minh P1, sinh ngày 22/3/2016 và cháu Hàng Phương L, sinh ngày 27/4/2018.

Xét nguyện vọng của anh P và chị D cũng như nguyện vọng của các con chung về việc nuôi dưỡng. Thấy, cần giao con chung cháu Hàng Minh P1, sinh ngày 22/3/2016 cho chị D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu P1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động và giao cháu Hàng Phương L, sinh ngày 27/4/2018 cho anh H A Páo trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh P và chị D mỗi người đều trực tiếp nuôi dưỡng một con chung, cả hai đều có công việc và thu nhập đủ đảm bảo nuôi con nên Hội đồng xét xử không buộc bên không trực tiếp nuôi con chung phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị Cù Thị D và anh Hàng A P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về kiến nghị: Kiến nghị UBND phường Đ, tỉnh Lai Châu thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Cù Thị D và anh H A Páo theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị C Thị D sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị Cù Thị D không phải chịu án phí.

[6] Về quyền kháng cáo, quyền kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định này theo quy định theo quy định tại Điều 372 và Điều 373 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lai Châu, đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án dân sự là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật vì vậy cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a, khoản 1, điểm g khoản 2 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8; Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của HĐTP Toà án nhân dân tối cao ngày 16/5/2024 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, như sau:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cú Thị D. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Cú Thị D và anh H A Páo theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09, đăng ký ngày 27/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu (nay là phường Đ, tỉnh Lai Châu).

[2]. Về hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật:

2.1. Chị Cú Thị D và anh H A Páo phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2.2. Về con chung: Cú Thị D và anh H A P có 02 con chung là cháu Hàng Minh P1, sinh ngày 22/3/2016 và cháu Hàng Phương L, sinh ngày 27/4/2018.

Giao con chung cháu Hàng Minh P1, sinh ngày 22/3/2016 cho chị D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu P1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động và giao cháu Hàng Phương L, sinh ngày 27/4/2018 cho anh H A Páo trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh P và chị D mỗi người đều trực tiếp nuôi dưỡng một con chung, cả hai đều có công việc và thu nhập đủ đảm bảo nuôi con nên Hội đồng xét xử không buộc bên không trực tiếp nuôi con chung phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Cú Thị D và anh H A P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.4. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Cú Thị D và anh Hàng A P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3]. Kiến nghị: Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Lai Châu thực hiện ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Cú Thị D và anh H A Páo theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: chị Cú Thị D không phải chịu án phí sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 1- Lai Châu;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Lai Châu;
- UBND phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Vân Anh

Số: 06/2026/QĐ-SCBSBA

Lai Châu, ngày 19 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – LAI CHÂU**

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do nhầm lẫn về số liệu, chính tả trong bản án số 09/2026/HNGĐ - ST ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Lai Châu đã xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “Hủy kết hôn trái pháp luật” giữa:

* **Nguyên đơn:** Chị Cứ Thị D, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Tổ dân phố S, phường Đ, tỉnh Lai Châu.

* **Bị đơn:** Anh Hàng A P, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Tổ dân phố S, phường Đ, tỉnh Lai Châu.

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Lai Châu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Đại T – Chức vụ: Chủ tịch UBND phường Đ;

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND phường Đ: Ông Vũ Mạnh T1 – Chức vụ: Chánh văn phòng HĐND và UBND phường Đ, tỉnh Lai Châu.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 09/2026/HNGĐ - ST ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Lai Châu như sau:

Tại dòng thứ 3 từ trên xuống, trang 1 của bản án đã ghi: “Bản án số: 09/2026/HNGĐ-ST”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “Bản án số: 11/2026/HNGĐ-ST”.

Tại dòng 1 và 2 từ dưới lên trang 5 của bản án đã ghi: “Căn cứ vào Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 11,”

Nay sửa chữa như sau: “Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự,”.

Tại dòng 14 từ trên xuống trang 6 đã ghi: “39, các Điều 147, 149, 227, 228, 238, 271, 273, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;”.

Nay sửa chữa như sau: “39, các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND Khu vực 1 – Lai Châu;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Lai Châu;
- UBND phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu;
- Các đương sự;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Vân Anh

- Lưu hồ sơ tại Tòa án.